

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	TRẦN NGUYỄN THẢO NY	15/08/2010	Kinh	8.5	9.3	10	8.7	Anh	45.2	
02	LÊ TRẦN ANH TUẤN	17/02/2010	Kinh	8.5	9.05	10	8.45	Anh	44.45	
03	NGUYỄN LÊ HÀ LINH	21/05/2010	Kinh	8	8.45	10	8.25	Anh	42.95	
04	NGUYỄN SỸ QUANG	23/04/2010	Kinh	7.5	8.85	10	8.05	Anh	42.45	
05	NGUYỄN MINH ANH	12/09/2010	Kinh	9.5	8.8	10	6.9	Anh	42.1	
06	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	18/02/2010	Kinh	8.25	8.15	10	7.5	Anh	41.4	
07	HỒ TÙNG LÂM	17/05/2010	Kinh	7.5	9.8	9.6	7.1	Anh	41.1	
08	PHẠM NGUYỄN MAI	11/02/2010	Kinh	8.5	9.05	9.8	6.8	Anh	40.95	
09	THÁI HUY HOÀNG	22/05/2010	Kinh	8.5	9.5	10	6.4	Anh	40.8	
10	TRẦN THẢO NGUYỄN	14/08/2010	Kinh	8.5	7.85	10	7	Anh	40.35	
11	NGUYỄN NGHIÊM THÀNH PHƯỚC	30/11/2010	Kinh	6	8.55	10	7.85	Anh	40.25	
12	TÔ VĨNH TÀI	31/08/2010	Kinh	7.5	8.5	9.8	7.2	Anh	40.2	
13	ĐẶNG HUỖNH MAI ANH	10/09/2010	Kinh	9	8.85	9.8	6.25	Anh	40.15	
14	LÊ THỊ ÁI THẢO	06/05/2010	Kinh	8.25	9.35	9.8	6	Anh	39.4	
15	BÙI PHAN NHẢ UYÊN	09/01/2010	Kinh	9	9.1	9.4	5.95	Anh	39.4	
16	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	02/09/2010	Kinh	8	8.2	9.8	6.65	Anh	39.3	
17	PHAN THỊ NGÀ	28/10/2010	Kinh	7.25	9.3	10	6.25	Anh	39.05	
18	NGUYỄN ĐỨC THÁI SƠN	22/08/2010	Kinh	6.75	9.2	9.4	6.75	Anh	38.85	
19	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/05/2010	Kinh	8.75	9.2	9.4	5.65	Anh	38.65	
20	NGUYỄN VŨ HỒNG ANH	21/04/2010	Kinh	8.5	7.8	10	6.1	Anh	38.5	
21	ĐỖ HOÀNG QUÂN	23/05/2010	Kinh	7.5	9.05	9.8	6.05	Anh	38.45	
22	HOÀNG THU HÀ	01/05/2010	Kinh	7.5	7	9.6	7.15	Anh	38.4	
23	BÀN CHÂU HẠ VY	09/10/2010	Dao	8.75	9.1	9.4	5.55	Anh	38.35	
24	TRẦN LÊ TUỆ LÂM	18/03/2010	Kinh	8.25	8.25	8.8	6.45	Anh	38.2	
25	NGUYỄN HOÀNG PHONG	27/01/2010	Kinh	8	8.4	9.8	5.85	Anh	37.9	
26	TIÊU ĐẶNG KIM CHI	20/08/2010	Kinh	5.5	8.15	9.8	7.2	Anh	37.85	
27	PHẠM THỊ NGỌC CHÂU	23/09/2010	Kinh	8	7.7	9.8	6.15	Anh	37.8	
28	ĐỖ NGUYỄN THẢO NGUYỄN	12/02/2010	Kinh	8.5	8.55	9.6	5.55	Anh	37.75	
29	NGUYỄN CHÍ THÀNH	26/10/2010	Kinh	8	6.35	9.4	6.95	Anh	37.65	
30	NGUYỄN MINH CHÍNH	16/03/2010	Kinh	8	8.85	9.2	5.7	Anh	37.45	
31	NGUYỄN LÊ ANH DŨNG	19/09/2010	Kinh	7	8.55	10	5.9	Anh	37.35	
32	LÊ QUANG DƯƠNG	12/02/2010	Kinh	8.5	8.75	9.6	5.25	Anh	37.35	
33	HWING KIỀU TUẤN KHAI	27/04/2010	Ê-đê	6.25	8.6	9.6	6.4	Anh	37.25	
34	TRỊNH GIA BẢO	10/12/2010	Kinh	8	7.8	9.8	5.8	Anh	37.2	
35	PHẠM THỊ TÚ UYÊN	25/07/2010	Kinh	8.5	8.5	9.6	5.25	Anh	37.1	

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	104551	ĐANG THỊ ANH THƯ	26/06/2010	Kinh	8.75	7.45	8.8	7.5	Địa lý	40	
02	104508	PHẠM THỊ THANH TÂM	02/08/2010	Kinh	8.75	8.85	8.8	6.75	Địa lý	39.9	
03	104192	PHAN THÚY HẰNG	05/06/2010	Kinh	8.75	6.6	8.8	7.5	Địa lý	39.15	
04	104267	TRẦN KIẾN	10/04/2010	Kinh	8	9.05	8.6	6.75	Địa lý	39.15	
05	104673	TRƯƠNG TUẤN VŨ	22/09/2010	Kinh	8.25	7.55	6.2	8.5	Địa lý	39	
06	104094	LÊ THỊ KHÁNH CHI	19/06/2010	Kinh	7.25	7	8.4	6.5	Địa lý	35.65	
07	104054	TRẦN TUẤN ANH	07/01/2010	Kinh	6.5	8.4	7.2	6.5	Địa lý	35.1	
08	104692	TRẦN NGỌC PHƯƠNG VY	24/05/2010	Kinh	8.25	8.05	6.8	5.5	Địa lý	34.1	
09	104372	ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	17/10/2010	Kinh	7.5	6.25	7.2	6.5	Địa lý	33.95	
10	104649	ĐẬU HÀ TỎ UYÊN	15/07/2010	Kinh	8	5.75	7.2	6.5	Địa lý	33.95	
11	104555	LÊ THỊ ANH THƯ	13/03/2010	Kinh	8	7.65	7	5	Địa lý	32.65	
12	104208	LÊ THỊ THANH HOÀI	21/04/2010	Kinh	8.75	7.15	4.2	6.25	Địa lý	32.6	
13	104209	LƯU THỊ HOÀI	02/01/2010	Kinh	6.75	7.85	6	6	Địa lý	32.6	
14	104494	NGUYỄN ĐỨC SANG	08/06/2010	Kinh	7.5	6.2	8.4	4.75	Địa lý	31.6	
15	104439	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/06/2010	Kinh	7.75	4.5	7.2	6	Địa lý	31.45	
16	104030	NGÔ HOÀNG VĂN ANH	16/10/2010	Kinh	8.75	4.6	6.8	5.5	Địa lý	31.15	
17	104451	HOÀNG VŨ QUỐC PHONG	06/07/2010	Kinh	7.75	3.6	6.8	6.5	Địa lý	31.15	
18	104655	LÊ THỊ THUỶ VÂN	28/01/2010	Kinh	6.6	8.3	7	4.25	Địa lý	30.4	
19	104034	NGUYỄN GIA TUỆ ANH	04/11/2010	Kinh	8	6.75	7.4	4	Địa lý	30.15	
20	104591	LÊ QUỲNH TRÂM	12/02/2010	Kinh	7	6.7	7.2	4.5	Địa lý	29.9	
21	104046	NGUYỄN VŨ THẢO ANH	01/03/2010	Kinh	8.5	5.75	6.6	4.5	Địa lý	29.85	
22	104600	VŨ NGỌC BẢO TRÂM	09/09/2010	Kinh	6.75	6.15	7.4	4.75	Địa lý	29.8	
23	104161	NGUYỄN TRẦN HÀ GIANG	08/06/2010	Kinh	5.75	7.95	6.6	4.75	Địa lý	29.8	
24	104235	PHẠM QUANG HUY	18/06/2010	Kinh	6.75	4.2	6.8	6	Địa lý	29.75	
25	104290	NGUYỄN NHẬT LAN	25/06/2010	Kinh	6.75	5.35	7	5.25	Địa lý	29.6	
26	104437	NGUYỄN HỒ QUỲNH NHƯ	21/05/2010	Kinh	7	6.25	6.8	4.75	Địa lý	29.55	
27	104238	HUỲNH THỊ DIỆU HUYỀN	21/02/2010	Kinh	7.5	5.45	8.6	4	Địa lý	29.55	
28	104554	HÀ THỊ ANH THƯ	02/11/2010	Kinh	8	6.35	9.2	3	Địa lý	29.55	
29	104021	ĐỖ BẢO QUỲNH ANH	06/07/2010	Kinh	8.25	7.05	7.6	3.25	Địa lý	29.4	
30	104002	ĐINH THỊ THUỶ AN	17/11/2010	Kinh	7.5	7.35	5.6	4.25	Địa lý	28.95	
31	104516	NGUYỄN NGỌC THIÊN THANH	04/08/2010	Kinh	7.75	4.8	5.8	5.25	Địa lý	28.85	
32	104058	VŨ NGUYỄN VĂN ANH	12/05/2010	Kinh	8.5	6.95	5	4	Địa lý	28.45	
33	104272	HOÀNG SĨ KIẾT	03/03/2010	Kinh	6.5	8	7.4	2.75	Địa lý	27.4	
34	104305	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	16/09/2010	Kinh	7	5	3.2	6	Địa lý	27.2	
35	104531	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/07/2010	Kinh	6.75	6.85	3.6	5	Địa lý	27.2	

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	HOÀNG THÀNH	11/01/2010	Kinh	7.75	9.5	10	9.25	Hóa	45.75	
02	NGUYỄN SƠN BÁCH	03/08/2010	Kinh	8.5	9.8	9.2	8.8	Hóa	45.1	
03	TRẦN ANH ĐỨC	21/06/2010	Kinh	7.75	9.3	9.2	8.23	Hóa	42.71	
04	PHẠM HOÀNG KHAI	30/10/2010	Kinh	6.5	9.25	8.2	9.28	Hóa	42.51	
05	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/10/2010	Kinh	7.5	9.3	9.2	8.05	Hóa	42.1	
06	ĐỖ THÁI HÒA	05/06/2010	Kinh	8.75	9.35	8.6	7.33	Hóa	41.36	
07	PHẠM BÁ QUỲ	03/02/2010	Kinh	8	7	9	8.33	Hóa	40.66	
08	MẠC KHÁNH DUY	30/06/2010	Hoa (Hán)	6.75	8.9	7.6	8.65	Hóa	40.55	
09	BÙI THỊ LY LY	28/05/2010	Kinh	7.5	7.65	8.2	8.28	Hóa	39.91	
10	ĐOÀN NGỌC HƯNG	02/04/2010	Kinh	6.5	8.1	8.8	8.25	Hóa	39.9	
11	HOÀNG BẢO LÂM	06/09/2010	Kinh	8.25	9.5	6.6	7.68	Hóa	39.71	
12	TRẦN ĐÌNH QUYỀN	05/08/2010	Kinh	6.75	8.3	8.4	8	Hóa	39.45	
13	NGUYỄN ANH ĐỨC	08/06/2010	Kinh	8.5	8.8	8.8	6.63	Hóa	39.36	
14	VĂN NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	28/12/2010	Kinh	8.25	8.8	9	6.53	Hóa	39.11	
15	NGUYỄN NHẬT LINH	14/08/2010	Kinh	7.5	7.75	8.6	7.58	Hóa	39.01	
16	CHÉ THỊ MY	04/07/2010	Kinh	7.25	9.3	8.6	6.78	Hóa	38.71	
17	NGUYỄN THỊ BÌNH	29/01/2010	Kinh	8	8.8	7.6	7.08	Hóa	38.56	
18	LÊ QUANG SƠN	29/07/2010	Kinh	7.5	8.3	8.4	7.15	Hóa	38.5	
19	VÕ HOÀNG LONG	01/08/2010	Kinh	8	7.15	7.6	7.83	Hóa	38.41	
20	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	18/01/2010	Kinh	8	7.75	9.6	6.5	Hóa	38.35	
21	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	04/03/2010	Kinh	8.5	8.25	7.2	6.83	Hóa	37.61	
22	LÊ ANH KIẾT	24/02/2010	Kinh	6.25	8.55	8.4	7.2	Hóa	37.6	
23	ĐOÀN HẢI DƯƠNG	19/08/2010	Kinh	8.25	8.3	7.6	6.65	Hóa	37.45	
24	LÊ GIA HƯNG	05/01/2010	Kinh	8.75	8.35	9	5.65	Hóa	37.4	
25	NGUYỄN CÔNG LỘC	08/02/2010	Kinh	8.25	8.2	7.2	6.8	Hóa	37.25	
26	NGUYỄN HUY TRUNG	10/05/2010	Kinh	7.75	8.5	5	8	Hóa	37.25	
27	NGUYỄN BÙI NGỌC ÁNH	08/09/2010	Kinh	5.25	7.9	8.8	7.6	Hóa	37.15	
28	NGUYỄN VIỆT TIẾN	05/04/2010	Kinh	7.25	7.6	7.6	6.88	Hóa	36.21	
29	ĐẶNG VĂN MINH DUY	23/04/2010	Kinh	8	7.2	9	5.83	Hóa	35.86	
30	NGUYỄN SƯƠNG HẢI THÀNH	23/01/2010	Kinh	7.5	8.9	8.8	5.25	Hóa	35.7	
31	TRỊNH TRUNG NGUYỄN	29/05/2010	Kinh	7.5	8.15	8	5.88	Hóa	35.41	
32	TRẦN ĐÌNH TOÀN	01/01/2010	Kinh	8	8.4	8	5.5	Hóa	35.4	
33	TỪ THỊ MỸ AN	07/06/2010	Kinh	7.5	8.85	8.2	5.35	Hóa	35.25	
34	TRẦN VŨ HẢI DUY	04/05/2010	Kinh	6.75	8.85	7.4	5.98	Hóa	34.96	
35	VŨ THỊ BẢO AN	08/11/2010	Kinh	6	8.35	5.8	7.33	Hóa	34.81	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	SU ĐẠI TIẾN	13/01/2010	Kinh	7	8.25	9.8	8	Lịch sử	41.05	
02	TRẦN LÊ BẢO CHI	08/08/2010	Kinh	7	7.8	8.4	8.75	Lịch sử	40.7	
03	LÊ NGUYỄN MINH ĐĂNG	11/01/2010	Kinh	8	6.7	7	9	Lịch sử	39.7	
04	NGUYỄN THỊ ANH NGUYỆT	30/01/2010	Kinh	6	7.15	7.8	8.5	Lịch sử	37.95	
05	LÊ PHAN TÂM NHƯ	19/06/2010	Kinh	8.5	7.75	6.2	7.75	Lịch sử	37.95	
06	TRẦN NGUYỄN HOÀNG NAM	13/05/2010	Kinh	8.25	7.55	6.4	7.75	Lịch sử	37.7	
07	NGUYỄN THỊ THẢO MY	22/08/2010	Kinh	8.5	6.7	7.4	7	Lịch sử	36.6	
08	NGUYỄN THẢO VÂN	06/08/2010	Kinh	7	7.45	6.8	7.5	Lịch sử	36.25	
09	Y ÂN NIỀ SIÈNG	04/10/2010	M'Nông	6	6.8	7.4	8	Lịch sử	36.2	
10	NGUYỄN QUANG MINH	12/12/2010	Kinh	7	8.3	6.2	7	Lịch sử	35.5	
11	HỒ HIẾU VI	03/08/2010	Kinh	7.75	8.05	8.2	5.5	Lịch sử	35	
12	PHAN THỊ HỒNG YẾN	05/06/2009	Kinh	8.25	6.55	3.4	8.25	Lịch sử	34.7	
13	PHẠM HẢI YẾN	25/07/2010	Kinh	7.25	7	9.4	5.5	Lịch sử	34.65	
14	HOÀNG THỊ MỸ THUẬN	12/01/2010	Kinh	8	7.35	5.2	7	Lịch sử	34.55	
15	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	06/05/2010	Kinh	8	6.5	5.2	7	Lịch sử	33.7	
16	TRẦN MINH GIA BẢO	04/12/2010	Kinh	7.75	7.55	4.8	6.75	Lịch sử	33.6	
17	VŨ ANH TUẤN	29/06/2010	Kinh	7	6.9	6.6	6.5	Lịch sử	33.5	
18	NGÔ THU TRANG	11/10/2010	Kinh	7.25	7.35	4.8	7	Lịch sử	33.4	
19	TRẦN ANH DŨNG	30/03/2010	Kinh	7.25	7.95	5	6.25	Lịch sử	32.7	
20	ĐUỠNG HỒNG THIÊN	16/02/2010	Kinh	6.5	6.55	6.6	6.5	Lịch sử	32.65	
21	TRIỆU MÙI SÉNH	14/02/2010	Dao	8	3.95	3.2	8.5	Lịch sử	32.15	
22	TRẦN GIA BÌNH	24/02/2010	Kinh	4.75	5.6	7	7.25	Lịch sử	31.85	
23	NGUYỄN THÁI NHẬT BẢO	18/05/2010	Kinh	7.25	5.55	4.4	7.25	Lịch sử	31.7	
24	TRẦN VĂN NGUYỄN	13/02/2010	Kinh	5.75	5.35	4.6	8	Lịch sử	31.7	
25	LƯƠNG VÕ UYÊN VY	01/01/2010	Kinh	8	7.55	6.6	4.75	Lịch sử	31.65	
26	NGUYỄN GIA HÂN	30/01/2010	Kinh	7	6.9	5.2	6.25	Lịch sử	31.6	
27	LÊ VĂN LỘC	12/03/2010	Kinh	7.25	3.5	5.2	7.5	Lịch sử	30.95	
28	PHAN HỒ NGỌC OANH	06/01/2010	Kinh	8.25	5.15	5.4	6	Lịch sử	30.8	
29	NGUYỄN BÍCH NGỌC	21/11/2010	Kinh	7	7.15	6.4	4.75	Lịch sử	30.05	
30	CAO VĂN NGHĨA	19/11/2010	Kinh	5.5	6.75	7.2	5	Lịch sử	29.45	
31	HOÀNG KỶ DUYỀN	12/07/2010	Kinh	7.25	4.6	9	4.25	Lịch sử	29.35	
32	HOÀNG QUẢNG PHƯƠNG	11/08/2010	Nùng	8.25	5.65	3.4	6	Lịch sử	29.3	
33	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	13/04/2010	Kinh	6.75	6.6	4	5.75	Lịch sử	28.85	
34	NGÔ ANH THU	06/03/2010	Kinh	7.5	5.1	3.2	6.5	Lịch sử	28.8	
35	NGUYỄN THỊ ANH THU	21/10/2010	Kinh	6	8.35	8.4	3	Lịch sử	28.75	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	104266	NGUYỄN TRUNG KIÊN	19/08/2010	Kinh	7.5	8.8	8.6	9.5	Lý	43.9	
02	104526	TRƯƠNG VĂN THÀNH	05/10/2010	Kinh	8.75	8.75	8.2	9	Lý	43.7	
03	104264	PHAN TUẤN KHÔI	17/10/2010	Kinh	8.5	8.85	9.2	8.5	Lý	43.55	
04	104130	LÊ VĂN ĐỨC	28/01/2010	Kinh	7.25	9.8	7.8	9	Lý	42.85	
05	104339	PHAN NHẬT MINH	24/02/2010	Mường	8	9.05	8.6	8	Lý	41.65	
06	104278	VÕ HIẾU KỶ	28/02/2010	Kinh	7.75	8.7	7.4	8.5	Lý	40.85	
07	104183	NGUYỄN NGỌC HÂN	13/01/2010	Kinh	8.25	8.75	6.6	8.5	Lý	40.6	
08	104518	HOÀNG MINH THÀNH	04/01/2010	Kinh	7.25	9.4	7.4	8	Lý	40.05	
09	104028	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	30/06/2010	Kinh	7.5	8	7	8.5	Lý	39.5	
10	104210	BÙI NGUYỄN HUY HOÀNG	26/10/2010	Kinh	7.25	9.6	9	6.5	Lý	38.85	
11	104679	LÊ NGỌC TRƯỜNG VY	24/10/2010	Kinh	8	8.7	7.4	7.25	Lý	38.6	
12	104102	HỒ HUY CHUÔNG	25/01/2010	Kinh	5.5	8.45	7.6	8.5	Lý	38.55	
13	104025	HỒ NGUYỄN VIỆT ANH	22/02/2010	Kinh	7	7.95	7.8	7.75	Lý	38.25	
14	104627	PHAN ĐỨC TRUNG	12/04/2010	Kinh	7.75	8.05	6.4	7.75	Lý	37.7	
15	104564	TRẦN THỊ ANH THƯ	26/01/2010	Kinh	8.75	8.15	8.6	5.5	Lý	36.5	
16	104666	HOÀNG ANH VŨ	20/12/2010	Kinh	5.5	8.35	4.6	9	Lý	36.45	
17	104345	LÊ THỊ MINH THƯ	21/09/2010	Kinh	7.5	8.55	7.6	6.25	Lý	36.15	
18	104612	LÊ XUÂN TRÍ	30/05/2010	Kinh	7.5	7.6	7.8	6.5	Lý	35.9	
19	104007	NGUYỄN TRẦN HẢI AN	11/08/2010	Kinh	7.25	9	7.4	6	Lý	35.65	
20	104218	TRẦN VĂN MINH HOÀNG	20/08/2010	Kinh	7.5	9.05	9.4	4.75	Lý	35.45	
21	104141	LÊ TÂN DŨNG	18/01/2010	Kinh	7.5	7.9	6	7	Lý	35.4	
22	104461	TRẦN MỸ PHƯỚC	20/10/2010	Kinh	8	8.4	7.4	5.75	Lý	35.3	
23	104230	BÙI QUANG HUY	26/09/2010	Kinh	7	9.25	6.2	6	Lý	34.45	
24	104643	LƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	21/09/2010	Mường	7.5	9.1	8.8	4.25	Lý	33.9	
25	104103	TRẦN ĐỨC CHUÔNG	19/11/2010	Kinh	8	8.5	7.4	5	Lý	33.9	
26	104197	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	01/11/2010	Kinh	7.5	9.3	7.4	4.75	Lý	33.7	
27	104004	NGUYỄN ĐỖ THIÊN AN	04/06/2010	Kinh	7.25	7.95	6.2	6	Lý	33.4	
28	104252	TRẦN NGỌC NGÂN KHÁNH	15/05/2010	Kinh	8.25	7.3	7.2	5.25	Lý	33.25	
29	104380	NGUYỄN PHẠM BAO NGỌC	24/01/2010	Kinh	8	9.1	8.6	3.5	Lý	32.7	
30	104253	HOÀNG GIA KHIÊM	12/12/2010	Kinh	6	8.3	2.8	7.5	Lý	32.1	
31	104585	TRẦN NAM TIỀN	15/03/2010	Kinh	7.5	8.95	7.4	4	Lý	31.85	
32	104012	TRẦN BAO AN	15/01/2010	Kinh	5.5	7.4	6.6	6	Lý	31.5	
33	104136	PHÍ ĐÌNH ĐỨC	14/10/2010	Kinh	6.25	8.55	7.6	4.5	Lý	31.4	
34	104456	NGUYỄN THÁI PHONG	16/08/2010	Kinh	7	7.35	5.8	5	Lý	30.15	
35	104545	NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	21/06/2010	Kinh	7.5	6.35	6.8	4.75	Lý	30.15	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	NGUYỄN THUY ANH	26/10/2010	Kinh	8.25	8.45	9.6	9.25	Sinh	44.8	
02	NGUYỄN ĐOÀN BẢO ANH	12/08/2010	Kinh	9.5	9.4	9	7.63	Sinh	43.16	
03	ĐOÀN NGUYỄN	21/03/2010	Kinh	7.5	9.6	9.8	6.38	Sinh	39.66	
04	PHẦN THU NGÂN	30/06/2010	Kinh	8.25	8.55	8.8	6.88	Sinh	39.36	
05	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG	02/01/2010	Kinh	7	7.3	7.2	8.63	Sinh	38.76	
06	CHU THÁI AN	10/10/2010	Nùng	7.75	9.2	7.6	6.75	Sinh	38.05	
07	NGUYỄN HOÀNG DIỆU THOA	03/02/2010	Kinh	8	9	7.8	6.38	Sinh	37.56	
08	ĐẶNG THÀNH THIÊN VŨ	18/05/2010	Kinh	5.75	8.1	7.2	7.88	Sinh	36.81	
09	TRẦN THẾ VINH	16/03/2010	Kinh	6.25	8.55	9.6	6.13	Sinh	36.66	
10	HOÀNG XUÂN TIẾN	22/03/2010	Kinh	8	7.8	8.4	5.75	Sinh	35.7	
11	PHẠM QUỲNH TRÂM	06/03/2010	Kinh	6.75	8.3	6.8	6.88	Sinh	35.61	
12	VƯƠNG ĐẶNG ANH THƯ	06/01/2010	Kinh	7.75	8.25	9.4	5	Sinh	35.4	
13	NGUYỄN NGỌC THUY DUNG	19/04/2010	Kinh	7	8.95	9	5	Sinh	34.95	
14	NGUYỄN SONG THƯ	23/05/2010	Kinh	8.75	7.5	7	5.38	Sinh	34.01	
15	ĐẶNG BÁ KHOA	11/02/2010	Kinh	6.75	6.7	8.8	5.75	Sinh	33.75	
16	LÊ CÔNG TRƯỜNG DANH	07/05/2010	Kinh	8	7.25	8.6	4.75	Sinh	33.35	
17	TRẦN LÊ KHÁNH HUYỀN	28/06/2010	Kinh	8.55	6.6	7.2	5.5	Sinh	33.35	
18	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO NGỌC	18/06/2010	Kinh	7.5	7.9	8.8	4.5	Sinh	33.2	
19	BÙI GIA UYÊN	31/01/2010	Kinh	7.75	8.1	7.2	4.88	Sinh	32.81	
20	LÊ TRƯỜNG THÀNH	02/03/2010	Kinh	7.75	8.2	7.4	4.63	Sinh	32.61	
21	LÊ VĂN ĐỨC	20/01/2010	Kinh	7	7.85	9.6	3.88	Sinh	32.21	
22	VƯƠNG SONG HẠNH	23/10/2010	Kinh	6.75	7.35	8.6	4.75	Sinh	32.2	
23	NGUYỄN THUY LINH	29/05/2010	Kinh	7.5	6.65	8.2	4.88	Sinh	32.11	
24	NGUYỄN THỊ MINH ANH	10/03/2010	Kinh	8	6.2	8.8	4.38	Sinh	31.76	
25	TRẦN NHƯ QUỲNH	19/01/2010	Kinh	8.5	7.55	7.2	4.25	Sinh	31.75	
26	NGUYỄN NGỌC THÀNH ĐẠT	12/10/2010	Kinh	6.75	6.2	6.4	5.75	Sinh	30.85	
27	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	30/07/2010	Kinh	6.25	8	7	4.75	Sinh	30.75	
28	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/08/2010	Kinh	7.75	7.5	4	5.75	Sinh	30.75	
29	LÊ NGUYỄN KHÁNH LINH	24/12/2010	Kinh	5.5	7.75	8	4.75	Sinh	30.75	
30	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	11/07/2010	Kinh	7	8.35	7.8	3.38	Sinh	29.91	
31	ĐÀO HUYỀN THẢO UYÊN	30/01/2010	Kinh	8.25	7.35	6	3.63	Sinh	28.86	
32	TRẦN THỊ NHẬT ÁNH	05/05/2010	Kinh	6.5	6.35	6.2	4.63	Sinh	28.31	
33	TRẦN BẢO AN	30/09/2010	Kinh	7.25	6.45	6.2	3.5	Sinh	26.9	
34	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12/12/2010	Kinh	7.75	5.2	6	3.75	Sinh	26.45	
35	VÕ TÁ KIẾN	10/09/2010	Kinh	6.5	7.35	4.8	3.75	Sinh	26.15	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	104139 LÊ THỊ HỒNG ĐỨC	27/12/2010	Kinh	6.75	9.8	9.2	9.8	Tin	45.35	
02	104133 TRẦN NGÔ ĐỨC LONG	09/01/2010	Kinh	7.75	8.7	8.4	9.2	Tin	43.25	
03	104261 NGUYỄN ANH KHÔI	18/09/2010	Kinh	6.75	9.55	9.4	7.7	Tin	41.1	
04	104154 PHAN BẢO DUY	26/07/2010	Kinh	7.5	8.45	9.8	7.3	Tin	40.35	
05	104513 ĐẬU NGỌC THẠCH	31/05/2010	Kinh	6.75	8.6	9.4	7.7	Tin	40.15	
06	104135 PHẠM LÊ MINH ĐỨC	06/09/2010	Kinh	8	8.6	8	7.65	Tin	39.9	
07	104195 ĐINH THIÊN HẠO	04/06/2010	Kinh	7.5	8.8	9	7.25	Tin	39.8	
08	104668 LÊ HOÀNG VŨ	06/02/2010	Kinh	7.5	7.1	9.6	7.7	Tin	39.6	
09	104069 ĐẬU PHAN QUANG BẢO	28/10/2010	Kinh	7.5	8.35	9.6	6.75	Tin	38.95	
10	104670 NGUYỄN QUANG VŨ	29/12/2010	Kinh	7.25	8.3	9.8	6.5	Tin	38.35	
11	104331 SỬ NGỌC QUỲNH MAI	15/10/2010	Kinh	8.5	8.75	9.4	5.75	Tin	38.15	
12	104214 NGUYỄN PHỤNG HOÀNG	16/10/2010	Kinh	6.75	8.55	9	6.78	Tin	37.86	
13	104362 VŨ ĐỨC NAM	01/04/2010	Kinh	6.75	9.3	6	7.55	Tin	37.15	
14	104557 NGUYỄN ĐỖ ANH THU	07/04/2010	Kinh	9	8	7.8	6.05	Tin	36.9	
15	104060 LÊ HOÀNG NHẬT ANH	06/12/2010	Kinh	6.5	7.55	9.2	6.55	Tin	36.35	
16	104423 LÊ TRẦN ĐÔNG NHI	13/10/2010	Kinh	8.25	6.95	8.8	6.05	Tin	36.1	
17	104078 PHẠM GIA BẢO	20/09/2010	Kinh	7	8.55	7.4	6.05	Tin	35.05	
18	104661 ĐINH QUANG VINH	28/03/2010	Kinh	7.75	6.95	6.8	6.75	Tin	35	
19	104588 NGUYỄN KHÁNH TOÀN	01/01/2010	Kinh	7.5	7.05	8.2	6.08	Tin	34.91	
20	104076 NGUYỄN GIA BẢO	06/10/2010	Kinh	7	6.9	7.4	6.5	Tin	34.3	
21	104476 TRẦN ANH QUÂN	28/05/2010	Kinh	6.25	7.95	8	5.8	Tin	33.8	
22	104495 NGUYỄN TẤN SANG	04/07/2010	Kinh	6.25	7.75	4.2	7.7	Tin	33.6	
23	104549 LÊ THỊ MAI THU	12/01/2010	Sán Diu	7	7.15	8.2	5.5	Tin	33.35	
24	104316 NGUYỄN PHƯỚC LỘC	06/03/2010	Kinh	7.75	7.8	5.8	5.75	Tin	32.85	
25	104386 BÙI TRỌNG NGUYỄN	08/09/2010	Kinh	7.75	7.3	8.2	4.25	Tin	31.75	
26	104050 TRẦN ĐỨC VIỆT ANH	11/05/2010	Kinh	6	6.45	7.6	5.75	Tin	31.55	
27	104512 ĐẶNG BÀ THẠCH	10/10/2010	Kinh	6.5	6.4	9	4.75	Tin	31.4	
28	104418 NGUYỄN VIỆT NHẬT	01/05/2010	Kinh	6.25	9.05	8.8	3.55	Tin	31.2	
29	104134 NGUYỄN HỮU ĐỨC	20/05/2010	Kinh	7.5	7.9	7.2	4.05	Tin	30.7	
30	104478 NGUYỄN THẾ QUANG	11/12/2010	Kinh	8	6.2	8.4	4	Tin	30.6	
31	104395 NGUYỄN NAM NGUYỄN	24/02/2010	Kinh	6	6.25	6.2	6.05	Tin	30.55	
32	104262 NGUYỄN HỮU MINH KHÔI	28/03/2010	Kinh	5.25	6.1	5.4	6.5	Tin	29.75	
33	104166 MAI THÁI HÀ	23/03/2010	Kinh	5.25	7.35	5.2	5.95	Tin	29.7	
34	104198 NGUYỄN THẾ HIỀN	19/11/2010	Kinh	5.75	7.2	6.2	4.8	Tin	28.75	
35	104233 NGUYỄN VŨ GIA HUY	15/01/2010	Kinh	8.25	6.65	6.2	3.25	Tin	27.6	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	TRẦN SỸ MINH	08/12/2010	Kinh	8.25	9.8	10	8.75	Toán	45.55	
02	NGUYỄN VÕ HOÀNG ANH	29/03/2010	Kinh	8.5	10	9.4	8.75	Toán	45.4	
03	VŨ NGỌC ANH PHƯƠNG	04/06/2010	Kinh	7.5	10	9.2	9	Toán	44.7	
04	QUỐC GIA HUY	30/01/2010	Kinh	8.5	9.5	10	8.25	Toán	44.5	
05	TRẦN HỮU THÀNH	28/07/2010	Kinh	8	10	8.8	8.75	Toán	44.3	
06	NGÔ HOÀNG KHÁNH NGỌC	19/06/2010	Kinh	9	9.8	10	7.5	Toán	43.8	
07	THIỀU ÁI LINH	17/09/2010	Kinh	7.75	10	10	8	Toán	43.75	
08	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	13/07/2010	Kinh	8.5	9.45	9.2	8.25	Toán	43.65	
09	NGUYỄN LƯƠNG LINH NGỌC	20/09/2010	Mường	8	9.8	9.2	8.25	Toán	43.5	
10	NGUYỄN ĐÌNH MINH QUÂN	07/12/2010	Kinh	6.75	10	9.4	8.5	Toán	43.15	
11	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	02/09/2010	Nùng	9	9	8	8.5	Toán	43	
12	TRẦN ĐỨC ANH	06/09/2010	Kinh	6.75	10	9.6	8.25	Toán	42.85	
13	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	25/07/2010	Kinh	8	9.3	10	7.75	Toán	42.8	
14	LÊ VĂN KIẾN	15/07/2010	Kinh	6.5	9.8	9.4	8.5	Toán	42.7	
15	LÊ NHẬT NGUYỆT	20/03/2010	Kinh	7	10	9.6	8	Toán	42.6	
16	NGUYỄN LÊ VIỆT KHÔI	28/01/2010	Kinh	7.5	9.8	8.6	8.25	Toán	42.4	
17	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/03/2010	Kinh	9	9.5	9.4	7.25	Toán	42.4	
18	ĐỖ THỊ MAI LAN	22/07/2010	Kinh	7.75	9.25	8.6	8.25	Toán	42.1	
19	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	16/01/2010	Kinh	8	9.05	10	7.5	Toán	42.05	
20	PHAN LÊ TUỆ ANH	17/03/2010	Kinh	8.5	9.8	9.8	6.75	Toán	41.6	
21	NGUYỄN ANH GIA BẢO	10/01/2010	Kinh	8	10	10	6.75	Toán	41.5	
22	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	24/08/2010	Kinh	8	8.9	8.6	8	Toán	41.5	
23	ĐỖ MINH TIẾN	24/01/2010	Kinh	7.25	8.05	8.2	9	Toán	41.5	
24	TRẦN LÊ NGUYỄN ĐẠT	16/05/2010	Kinh	8.5	9.3	8.6	7	Toán	40.4	
25	LÊ NGUYỄN BẢO CHÂU	03/09/2010	Kinh	7	9.8	9.8	6.5	Toán	39.6	
26	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	13/05/2010	Kinh	7.5	9.55	8.4	7	Toán	39.45	
27	NGUYỄN ĐỨC ANH	24/06/2010	Kinh	8.75	9.05	8.6	6.5	Toán	39.4	
28	ĐỖ ĐỨC MẠNH	31/08/2010	Kinh	7.75	8.8	8	7.25	Toán	39.05	
29	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	11/07/2010	Kinh	6.75	8.5	8.8	7.5	Toán	39.05	
30	TRẦN NGỌC TUẤN THÀNH	03/03/2010	Kinh	8.25	9.2	8.6	6.5	Toán	39.05	
31	ĐẶNG THỊ THANH HẰNG	28/01/2010	Kinh	8	9.8	9.6	5.75	Toán	38.9	
32	BÙI VĂN HẢI	01/01/2010	Kinh	6.5	9.3	8	7.5	Toán	38.8	
33	TẠ NGỌC MINH	24/06/2010	Kinh	7.25	8.6	7.4	7.5	Toán	38.25	
34	NGUYỄN PHƯỚC PHÚC	24/01/2010	Kinh	7.5	9	7.6	7	Toán	38.1	
35	PHAN ANH TIẾN	03/05/2010	Kinh	7.5	9.4	9.6	5.5	Toán	37.5	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
36	VŨ ĐỨC ANH	17/01/2009	Kinh	7.5	8.75	8.6	6.25	Toán	37.35	
37	NGUYỄN VĂN TÚ	23/05/2010	Kinh	8	8.75	8	6.25	Toán	37.25	
38	ĐOÀN QUỐC KHÁNH HÒA	04/11/2010	Kinh	6.75	9.8	7.6	6.5	Toán	37.15	
39	TRẦN TRỌNG ĐẠT	07/01/2010	Kinh	6	9.5	8.8	6.25	Toán	36.8	
40	HUYỀN VÕ DUY THẮNG	12/02/2010	Kinh	7.5	8.55	9	5.75	Toán	36.55	
41	NGUYỄN HOÀI TÂM AN	21/10/2010	Kinh	6.5	9.3	7.2	6.75	Toán	36.5	
42	PHẠM THỊ HOÀI AN	23/11/2010	Kinh	8	8	8	6.25	Toán	36.5	
43	HOÀNG GIA KIẾT	27/02/2010	Tày	7.5	9.2	8.8	5.5	Toán	36.5	
44	LÊ THỊ TÂM NHƯ	13/05/2010	Kinh	7.5	9.3	8.6	5.5	Toán	36.4	
45	NGUYỄN TÂN PHÁT	23/09/2010	Kinh	7.25	9.8	8.2	5.5	Toán	36.25	
46	HOÀNG VIỆT TRINH	30/08/2010	Kinh	7.5	9.25	9.4	5	Toán	36.15	
47	VŨ TRỊNH MINH NGUYỄN	14/03/2010	Kinh	6.5	9.5	8.6	5.75	Toán	36.1	
48	NGUYỄN QUANG TRUNG	26/12/2010	Kinh	7	9.3	7.8	6	Toán	36.1	
49	HOÀNG TRUNG HẢI	22/11/2010	Kinh	7	8.25	7.2	6.75	Toán	35.95	
50	TRƯƠNG MINH HOÀNG	03/03/2010	Kinh	7.25	9.15	6.8	6.25	Toán	35.7	
51	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	16/01/2010	Kinh	7.5	9.05	8	5.5	Toán	35.55	
52	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	02/03/2010	Kinh	7.75	8.55	9.2	5	Toán	35.5	
53	NGUYỄN NHÂN KIẾT	11/04/2010	Kinh	7	9.05	9.4	5	Toán	35.45	
54	NGUYỄN THANH THUY	01/07/2010	Kinh	8.25	7.8	7	6	Toán	35.05	
55	PHAN THỊ LAN NHI	11/03/2010	Kinh	8	8.05	9.4	4.75	Toán	34.95	
56	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	08/06/2010	Kinh	8.25	9.5	8.2	4.5	Toán	34.95	
57	PHẠM LÊ THÁI AN	06/04/2010	Kinh	7.5	8.35	9.2	4.75	Toán	34.55	
58	HỒ THỊ THANH TRÚC	04/01/2010	Kinh	7.5	8.6	7.6	5.25	Toán	34.2	
59	LÊ NGỌC NGUYỄN	03/11/2010	Kinh	9	9.05	6	5	Toán	34.05	
60	PHẠM HỮU NAM	25/02/2010	Kinh	8	8	8	5	Toán	34	
61	NGUYỄN KIM NGÂN	12/05/2010	Kinh	6.75	8.7	8.6	4.75	Toán	33.55	
62	NGUYỄN ĐỨC HÀ	09/04/2010	Kinh	7.25	8.35	7.4	5.25	Toán	33.5	
63	LÊ NGUYỄN BẢO LONG	01/06/2010	Kinh	8.25	7.6	8	4.75	Toán	33.35	
64	NGUYỄN THỊ THƯ ĐIỆU	08/01/2010	Kinh	6.75	8.3	8.2	5	Toán	33.25	
65	NGUYỄN HUYỀN TRẦN	16/05/2010	Kinh	7.5	9.3	9.4	3.5	Toán	33.2	
66	HOÀNG THANH TÙNG	05/12/2010	Kinh	7.5	7.8	9.4	4.25	Toán	33.2	
67	TRẦN QUỐC TIẾN	16/09/2010	Kinh	6.25	9.6	8.8	4.25	Toán	33.15	
68	NGUYỄN PHƯƠNG NHÂN	25/08/2010	Kinh	8	7.55	9	4.25	Toán	33.05	
69	LÊ THỊ THUYẾT DƯƠNG	25/11/2010	Kinh	8.25	8.55	8.2	4	Toán	33	
70	TRỊNH NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	31/08/2010	Kinh	6.5	8.55	7.4	5.25	Toán	32.95	

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên		Điểm tổng	Ghi chú
				Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Lớp chuyên		
01	104188 TRẦN TRÚC HÂN	25/05/2010	Kinh	8.5	8.45	9.8	7.75	Văn	42.25	
02	104202 DUƠNG NGUYỄN THỰC ANH	14/07/2010	Kinh	9	8.75	9.8	7.25	Văn	42.05	
03	104091 BÀNG NGỌC CHI	04/10/2010	Dao	9	9.05	9.8	7	Văn	41.85	
04	104184 NGUYỄN NGỌC HÂN	05/09/2010	Kinh	9	8.6	8.6	7.75	Văn	41.7	
05	104168 NGUYỄN THANH HÀ	01/08/2010	Kinh	7.75	8.65	8.6	7.5	Văn	40	
06	104438 PHAN QUỲNH NHƯ	05/04/2010	Nùng	8.5	8.05	6.8	8.25	Văn	39.85	
07	104576 TRẦN THỊ THANH THỦY	09/12/2010	Kinh	8.5	7.3	8.2	7.75	Văn	39.5	
08	104493 NGUYỄN HẠNH SAN	28/05/2010	Kinh	8.5	7.8	7.6	7.75	Văn	39.4	
09	104678 DUƠNG TƯỜNG VY	02/08/2010	Kinh	8.25	7.35	8.4	7.5	Văn	39	
10	104458 ĐỖ HỒNG PHÚC	06/06/2010	Kinh	8.75	7.1	7.4	7.75	Văn	38.75	
11	104542 PHẠM KHÁNH THI	25/08/2010	Kinh	9	6.45	7.8	7.75	Văn	38.75	
12	104221 KHUÔNG THỊ NHƯ HUỆ	25/11/2010	Kinh	8.5	7	9.2	7	Văn	38.7	
13	104694 VŨ THỊ PHƯƠNG VY	24/07/2010	Kinh	8.5	7.25	8.8	7	Văn	38.55	
14	104065 NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/09/2010	Kinh	8.75	6.75	9	7	Văn	38.5	
15	104590 HOÀNG TÔNG THANH TRÀ	09/10/2010	Kinh	8.25	8.05	8.2	7	Văn	38.5	
16	104669 LÊ NGUYỄN PHONG VŨ	14/07/2010	Kinh	8.5	7.9	8.8	6.5	Văn	38.2	
17	104485 VŨ THẢO QUYÊN	17/07/2010	Kinh	8.25	6.6	8.2	7.5	Văn	38.05	
18	104311 VÕ NGỌC THỰC LINH	10/08/2010	Kinh	7.75	7.3	8.2	7.25	Văn	37.75	
19	104251 THÁI LÊ NGỌC KHÁNH	09/01/2010	Kinh	8.5	8.2	6	7.5	Văn	37.7	
20	104228 NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	18/09/2010	Kinh	7.5	6.05	8.6	7.75	Văn	37.65	
21	104374 HỒ NHƯ NGỌC	21/07/2010	Hoa (Hán)	8	6.55	7.6	7.75	Văn	37.65	
22	104536 LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	23/04/2010	Kinh	8.5	9.1	9	5.5	Văn	37.6	
23	104570 PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	01/10/2010	Kinh	8	6.7	7.6	7.5	Văn	37.3	
24	104127 NGUYỄN HIỀN DỊU	07/08/2010	Kinh	8	7.55	8.2	6.75	Văn	37.25	
25	104350 HUỲNH LÊ THẢO MY	29/04/2010	Kinh	8	8.7	8.4	6	Văn	37.1	
26	104040 NGUYỄN THỊ HÀ ANH	08/02/2010	Kinh	8.5	6.75	8.2	6.75	Văn	36.95	
27	104597 NGUYỄN THỊ THUỶ TRÂM	28/05/2010	Kinh	8.5	7.25	8.6	6.25	Văn	36.85	
28	104087 ĐOÀN NGỌC MINH CHÂU	08/11/2010	Kinh	8	5.75	9	7	Văn	36.75	
29	104652 NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	18/11/2010	Kinh	8.75	6.1	6.8	7.5	Văn	36.65	
30	104647 ĐẶNG THỰC PHƯƠNG UYÊN	24/06/2010	Kinh	8	6.25	8.2	7	Văn	36.45	
31	104357 PHẠM AN NA	14/06/2010	Kinh	8.25	8.55	9.4	5	Văn	36.2	
32	104303 NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	22/09/2010	Kinh	8	6.05	7.4	7.25	Văn	35.95	
33	104607 VI THỊ BẢO TRẦN	07/02/2010	Thái	8	7.3	6.6	7	Văn	35.9	
34	104132 NGÔ VŨ ANH ĐỨC	26/07/2010	Kinh	8	7.3	8	6.25	Văn	35.8	
35	104511 HÀ HÙNG MINH TÂN	14/06/2010	Kinh	8	8.2	9.2	4.75	Văn	34.9	